

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026
MẪU GIÁO NHỞ 4-5 TUỔI, LỚP 4 TUỔI D
TRƯỜNG MN THỐNG NHẤT

Tên mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Chủ đề thực hiện	Nội dung – Hoạt động giáo dục	
		TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT CỦA BÉ		
a) Phát triển vận động				
1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp				
MT1	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp cả bài hát tiếng việt và tiếng anh	☆	* ĐT hô hấp: hít vào thở ra * Tập BTPTC Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp cả bài hát tiếng việt và tiếng anh. * ĐT phát triển tay: 1. Đưa lên cao, ra phía trước, sang ngang 2. Đưa 2 tay ra trước - sau và vỗ vào nhau 3. Đưa ra trước, gập khuỷu tay 4. Đưa 2 tay ra trước, về phía sau	
MT2	Biết tập một số loại hình vận động , bộ môn thể thao, thể dục nhịp điệu, Erobic, Yoga theo chủ đề qua các hoạt động tập thể			

			5. Đánh xoay tròn 2 vai. 1. Nghiêng người sang bên * ĐT phát triển cơ lưng bụng: 1. Nghiêng người sang bên 2. Quay người sang bên 3. Đứng cúi người về phía trước 4. Ngồi, cúi về phía trước, ngửa ra sau 5. Ngồi, quay người sang 2 bên 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khuyu gối * ĐT phát triển cơ chân 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khuyu gối 1. Đứng, một chân đưa lên trước, khuyu gối 2. Đứng, một chân nâng cao gập gối 3. Đứng, nhún chân, khuyu gối 4. Ngồi, nâng 2 chân duỗi thẳng 5. Bật lên trước, ra sau, sang bên. - Tập một số loại hình vận động , bộ môn thể
--	--	--	--

			thao, thể dục nhịp điệu, Erobic, Yoga theo chủ đề qua các hoạt động tập thể trong các dịp Tết trung Thu, 20/11, 22/12, Tết Nguyên Đán, ngày 8/3 và ngày 30/4... Đón trẻ, thể dục sáng: - Đón trẻ, - thể dục sáng (Tập theo nhịp đếm) (Tích hợp quyền con người)
--	--	--	---

2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động

MT3	2.1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	✓	-Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát) T1 -Đi bước dồn trước
MT4	2.2. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).	✓	- bước dồn ngang -Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Những chú kiến tha mồi
MT5	2.3 Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.		- Đi trên lớp xe - Đi thăng bằng đầu mang vật nặng. * Bật: - Bật liên tục về phía trước
MT6	2.4. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:		- Bật liên tục về phía trước

	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Bật (nhảy) xa 35 – 40cm - Bật (nhảy) từ trên cao 35 – 40cm xuống. - Bật nhảy chụm chân, tách chân - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.* Đi/Chạy soát vận động: - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy thay đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn - Bật qua vật cản. - Nhảy lò cò. - Bò bằng bàn tay bàn chân, bò giữa 2 đường kẻ. * Bò, trườn, trèo: - Bò bằng bàn tay bàn chân, bò giữa 2 đường kẻ. - Chạy chậm 60
--	---	---

			-80cm - Chạy theo đường dích dắc - Chạy theo bóng và bắt bóng + Đi trên dây; * Trò chơi VĐ: + Đi trên dây; Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. * Bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (thẳng đứng). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Bật liên tục về phía trước
--	--	--	--

			* Bật: - Bật liên tục về phía trước * Bò, trườn, trèo: - Bò bằng bàn tay bàn chân, bò giữa 2 đường kẻ. - Bò trong đường đích đặc. - Bò, trườn chui qua cổng. - Bò chui qua ống dài. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo lên xuống thang + Đường hầm bí mật; * Trò chơi VĐ: + Đường hầm bí mật; - Đồng diễn thể dục nhịp điệu, erobic, bài tập dân vũ, bài tập tiếng anh và tham gia 1 số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua các hoạt động tập thể chào mừng ngày hội đến trường, tết trung thu, 20/11, 22/12, Tết Nguyên Đán, ngày 8/3... - Tung bắt bóng với người đối diện.
--	--	--	---

			- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m cao 1,2 m). - Chuyển bắt bóng qua đầu. - Chuyển bắt bóng qua chân. + Những quả bóng sắc màu * Trò chơi VĐ: + Những quả bóng sắc màu
--	--	--	--

3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt

MT7	3.1. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	✓	* Bài tập phát triển chung * Hoạt động luyện tập: Vo, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, miết, gấn, nôi, luồn, thắt, buộc dây, lắp ráp, sử dụng bút và kéo thủ công. * Trò chơi:
MT8	3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	✓	- Những ngón tay nhúc nhích, - Tạo hình: Nặn (xoay tròn, miết đất...,) vỏ giấy, xoắn giấy, cắt dán

			- Vẽ bạn và cô giáo. - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. - Vẽ ngôi nhà, vẽ trường mầm non - Vẽ đồ chơi trung thu bé thích. - Cắt dán đồ chơi trung thu bé thích - Cắt và dán nhà cao tầng - Cắt hàng rào - Xếp chồng và lắp ráp các khối gỗ - Tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. - Phun màu * Chơi nhóm: - Phun màu
--	--	--	---

			- Phun màu - Vẩy màu - In bàn tay lên giấy - Làm vòng cho bé * Xem clip bài học kỹ năng thực hành cuộc sống: tự cài, cởi cúc, cách mặc áo, cởi áo. buộc dây giày. Đi giày. Cắt dép.Đóng mở đai. * Trò chơi: Bé tự giác; Nhà tạo mẫu tóc; Bé làm kiến trúc sư; Cầu thủ chuyên nghiệp; Mặc áo cho búp bê * Xem clip bài học kỹ năng thực hành cuộc sống: tự cài, cởi cúc, cách mặc áo, cởi áo. buộc dây giày. Đi giày. Cắt dép.Đóng mở đai. * Sự kiện : - Giáng sinh: Làm bánh quy - Tết hàn thực – Nặn bánh trôi - Đồng diễn thể dục nhịp điệu, erobic, bài tập dân vũ theo chủ đề,. Bài tập thể dục tiếng anh và chơi 1 số trò chơi vận động, trò chơi dân gian qua 1 số hoạt động tập thể nhóm cá nhân...
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe			

MT9	1.1. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.		* Tích hợp GD DD & SK qua hoạt động học như: Biết một số thực phẩm cùng nhóm:
MT10	1.2. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... 1.3 Biết một số món ăn quen thuộc trong ngày lễ tết, ngày hội		- Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin. - Một số loại quả ngày tết Trung Thu - Một số loại quả ngày tết Trung Thu
MT11	1.3. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.		- Một số loại quả - Rau củ quả trong vườn
MT12	<i>Biết tên một số đồ ăn, thức uống không nên ăn uống và tác hại cho sức khỏe khi được gợi ý</i>	✓	- Một số vật nuôi trong gia đình - Bé ăn gì để khỏe mạnh? - Nhận biết gọi tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Gắn lô tô các loại thực phẩm theo các nhóm - Tập pha nước cam * Trò chơi - TC: Lựa chọn các hành vi đúng sai - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng

			chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì..) - Kể tên một số món ăn trong bữa tiệc buffet, bánh trung thu, bánh trôi nước, chào mừng ngày tết hàn thực, bánh dày chào mừng ngày 10/3 và 1 số món ăn trong ngày tết nguyên đán... Tổ chức cho trẻ thực hành một số món ăn đơn giản và quen thuộc
--	--	--	--

2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt

MT13	2.1. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	✓	- Tự rửa tay bằng xà phòng, Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.
MT14	2.2. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		- Tự đi vệ sinh đúng nơi quy định - Hướng dẫn trẻ đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng và dung dịch sát khuẩn khi có dịch bệnh - Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn, ăn hết xuất ăn...

			- Tổ chức cho trẻ thực hành chế biến một số món ăn đơn giản
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe			
MT15	3.1. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	☆	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...
MT16	3.2. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định.	✓	- Không uống nước lã. - Hướng dẫn trẻ 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn Buffet Và ăn tự chọn... - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giày khi đi học
MT17	<i>Biết một số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn ở nơi đông người như: nhà hàng, Buffet (xếp hàng chờ đến lượt, ăn từ tốn....) khi được nhắc nhở</i>		- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. - Vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường

			- Tập luyện một số thói quen tốt giữ gìn sức khỏe. - Nói với người lớn khi có biểu hiện bị đau, chảy máu, sốt... - Hướng dẫn trẻ vệ sinh răng miệng, phòng chống một số bệnh về mắt, tai, mũi, họng... - Hướng dẫn trẻ 1 số hành vi ăn uống văn minh, lịch sự khi ăn nhà hàng, Buffet (xếp hàng chờ đến lượt, ăn từ tốn, Mời cô mời bạn trước khi ăn, Chia sẻ thức ăn với các bạn, giữ trật tự và lịch sự trong khi ăn... Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân: - Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh (Lồng ghép giáo dục cảm xúc)
--	--	--	---

4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

MT18	4.1. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.		- Bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần.
MT19	4.2. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		- Các vật sắc nhọn không nên nghịch. - Bàn là nóng trẻ không sử dụng.
MT20	4.3. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:		- Ao, hồ, ruộng nước, sông, suối, bể chứa nước ... là nơi nguy hiểm trẻ không được đến gần

	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.		- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	
MT21	4.4. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.		- Hướng dẫn trẻ ghi nhớ quy tắc 5 ngón tay - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết... - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết...	
a) Khám phá khoa học				
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng				
MT22	1.1. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...		- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	

MT23	1.2. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT24	1.3. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
MT25	1.4. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	✓	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Quan sát, nhận xét về các sự vật, hiện tượng, kết hợp quan sát, nhìn, sờ, ngửi ... để khám phá các đối tượng...
MT26	1.5. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		- Quan sát, nhận xét về các sự vật, hiện tượng, kết hợp quan sát, nhìn, sờ, ngửi ... để khám phá các đối tượng... - VD; Cho thêm đường/ muối lên nước ngọt, mặn hơn... - Làm thí nghiệm đơn giản như: Pha màu, đường, muối, nước và so sánh nhận xét... - VD; Cho thêm đường/ muối lên nước ngọt, mặn hơn... - Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về các đối tượng... - Kết hợp các giác quan để khám phá các đối tượng... - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.

			- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.
--	--	--	---

2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản

MT27	2.1. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”		- Mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”
MT28	2.2. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.		- Làm một số thí nghiệm đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét theo phương pháp giáo dục STEAM như: Núi lửa phun trào; Bẫy sắc cầu vồng; Nước và dầu; Bong bóng và nước; Cát và nước... - Thực hiện nhiệm vụ cùng các bạn. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.

3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau

MT29	3.1. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	✓	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
MT30	3.2. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...		- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.

			- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... qua các hoạt động hàng ngày, ngày hội ngày lễ, ngày hội, sự kiện.....
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
1. Nhận biết số đếm, số lượng			
MT31	1.1. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...		- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...). - Sử dụng tay chỉ để đếm các vật xung quanh trẻ - Hướng dẫn trẻ đọc số, phát âm chữ số bằng tiếng anh. - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
MT32	1.2. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	✓	
MT33	1.3. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		
MT34	1.4. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		
MT35	1.5. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.		
MT36	1.6. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		
MT37	1.7. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		

			- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng - Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn. - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Đếm số bằng tiếng anh theo khả năng - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	
2. Sắp xếp theo qui tắc				
MT38	2. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.		- Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	
3. So sánh hai đối tượng				
MT39	3. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	
4. Nhận biết hình dạng				

MT40	4.1. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,).		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT41	4.2. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu

5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian

MT42	5.1. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).
MT43	5.2. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.

c) Khám phá xã hội

1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng

MT44	1.1. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
MT45	1.2. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
MT46	1.3. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên, địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.
MT47	1.4. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	☆	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
MT48	1.5. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	☆	

MT49	1.6. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	☆	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. Hoạt động khám phá: KPKH: STEAM – 5E Khám phá lớp mầm non của bé KPXH: Trò chuyện về Cô giáo và các bạn của em Trò chuyện về các cô giáo và các bạn (Tích hợp ATGT)
------	--	---	---

2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương

MT50	2. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
------	---	--	---

3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh

MT51	3.1. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam,
MT52	3.2. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		

			thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. Sự kiện văn hóa của quê hương đất nước	
III. Giáo dục phát triển ngôn ngữ				
1. Nghe hiểu lời nói				
MT53	1.1. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.		- Nghe hiểu lời nói và làm theo được 2, 3 yêu cầu trong giao tiếp hàng ngày. - Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: Đồ dùng/ thực vật/ động vật... - Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ. Nghe, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
MT54	1.2. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...			
MT55	1.3. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.			
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày				
MT56	2.1. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	☆	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động.	
MT57	2.2. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	☆		
MT58	2.3. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.			
MT59	2.4. Kể lại sự việc theo trình tự.			
MT60	2.5. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	✓		
MT61	2.6. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.			
MT62	2.7. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.			

MT63	2.8. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp phù hợp với tình huống - Làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh đơn giản hello, hi, thank you - Nghe hiểu một số từ, một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp phù hợp với độ tuổi Sử dụng từ bằng tiếng anh: Hello, Good bye, hi, thankyou, sorry...	✓	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và Hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. Kể lại sự việc có nhiều tình tiết trong cuộc sống hàng ngày, trong các câu truyện trong và ngoài trường trình phù hợp với độ tuổi mà trẻ được nghe
MT64	2.9. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.
MT65	<i>Nói được một số chữ số, con vật, hoa quả, màu sắc, chào hỏi bằng tiếng anh khi được gợi ý</i>		- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Hướng dẫn trẻ mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp - Làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh đơn giản hello, hi, thank you - Nghe hiểu một số từ, một số câu tiếng Anh đơn giản trong giao tiếp phù hợp với độ tuổi Sử dụng

			từ bằng tiếng anh: Hello, Good bye, hi, thankyou, sorry... - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp - Làm quen và phát âm 1 số từ tiếng Anh về chữ số, con vật, hoa quả, màu sắc, chào hỏi... - Chơi, hoạt động ở các góc (Lồng ghép giáo dục cảm xúc) HĐCMD: Khám phá thí nghiệm : Vật chìm - vật nổi. TC: Chìm nổi Chơi tự do	
3. Làm quen với đọc, viết				
MT66	3.1. Chọn sách để xem.		- Giữ gìn, bảo vệ sách - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. - Gọi tên một số con vật, màu sắc bằng tiếng anh... - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - ""Đọc"" truyện qua các tranh vẽ.	
MT67	3.2. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			
MT68	3.3. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).			
MT69	3.4. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	✓		
MT70	3.5. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,...			

MT71	<i>Đọc phát âm đúng các từ có chứa phụ âm L/N khi được gợi ý</i>		-- Kể tên người thân, đồ vật, hoa, quả, con vật, màu sắc, bằng tiếng anh... - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Làm quen với cách viết tiếng việt (Hướng dẫn viết các nét chữ: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Làm quen với công cụ viết và đưa tay tạo thành nét của chữ cái - Đọc phát âm đúng các từ chỉ con vật, đồ vật hoặc các loại rau củ quả, phương tiện giao thông có chứa phụ âm L/N khi được gợi ý.
------	--	--	--

IV. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội

1. Thể hiện ý thức về bản thân

MT72	1.1. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.		- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, người thân
MT73	<i>Tự quản lý được cảm xúc của bản thân (học cách bình tĩnh khi giận, tuân thủ nội quy của lớp...), điều tiết cảm xúc và hành vi của mình trong tình huống hàng ngày</i>		- Sở thích, khả năng của bản thân. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT74	1.2. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.		Thể hiện cảm xúc của bản thân (học cách bình tĩnh khi giận, tuân thủ nội quy của lớp...), điều

			tết cảm xúc và hành vi của mình trong tình huống hàng ngày. Ví dụ: Khi con giận, con sẽ làm gì? Nội dung: Trẻ đóng vai tình huống (bạn giành đồ chơi, bị chọc ghẹo) và tập phản ứng bình tĩnh, không đánh bạn. Bé ngoan biết chờ đợi Nội dung: Rèn luyện tính kiên nhẫn khi chờ đến lượt trong trò chơi, ăn uống, hay khi nhờ cô giúp đỡ. Hơi thở bong bóng xà phòng Nội dung: Trẻ tập hít thở sâu như thổi bong bóng để giải tỏa cảm xúc tiêu cực. Hộp thư “nói nhỏ với cô” Nội dung: Trẻ được viết/vẽ điều làm mình buồn, giận để bỏ vào hộp, giúp giải tỏa cảm xúc thay vì khóc hay nổi nóng. Kể chuyện qua tranh: Bạn Nai biết kiềm chế Nội dung: Dùng truyện tranh, tình huống để dạy trẻ cách kiềm chế và lựa chọn hành vi phù hợp.
--	--	--	--

2. Thể hiện sự tự tin, tự lực

MT75	2.1. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	☆	
MT76	2.2. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		- Chơi theo nhóm, theo góc - Lấy và cất đồ chơi đúng nơi quy định - Giữ gìn đồ chơi, tham gia lao động vệ sinh môi trường và lớp học - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

			- Chơi, hoạt động ở các góc (Lồng ghép giáo dục cảm xúc)
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh			
MT77	3.1. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	✓	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Nhận biết những hành vi tiêu cực (đánh bạn, cào cấu, quăng quật, gào khóc...) khi được người khác an ủi, giải thích... - Nhận biết về Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ. - Kính yêu Bác - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Quan tâm chia sẻ, đồng cảm, tôn trọng, hợp tác
MT78	<i>Biết quan tâm chia sẻ, đồng cảm, tôn trọng, hợp tác với con người và sự vật gần gũi</i>		
MT79	3.2. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		
MT80	3.3. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.		
MT81	3.4. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.		
MT82	3.5. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.		

			với con người và sự vật gần gũi; Những người có hoàn cảnh khó khăn, cơ thể không hoàn thiện và động vật nuôi... như; Chia sẻ đồ chơi với bạn, Bé biết giúp đỡ bạn nhỏ, Lời nói dễ thương – Kết bạn cùng em, Chăm sóc cây xanh cùng bé, Bé cùng nhau dọn bàn ăn, Cái ôm yêu thương, Đôi tay biết giúp đỡ...
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội			
MT83	4.1. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	✓	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Thể hiện cảm xúc cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Quan tâm giúp đỡ bạn bè - Hướng dẫn trẻ xin lỗi, chào hỏi lễ phép bằng tiếng anh... - Lắng nghe ý kiến của người khác. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Quan tâm giúp đỡ bạn. - Tham gia vào hoạt động trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).
MT84	4.2. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		
MT85	4.3. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	☆	
MT86	4.4. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.		
MT87	4.5. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).	✓	

			Chơi, HĐ theo ý thích - TC: Cảm xúc của bé - Ứng xử phù hợp trong tình huống cụ thể (SEL) - Chơi tự chọn
5. Quan tâm đến môi trường			
MT88	5.1. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.		- Tham gia chăm sóc cây, con vật thân thuộc... - Biểu lộ cảm xúc với con vật và cây cối. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối như không bẻ cành bứt hoa... - Sử dụng các nguồn nước tiết kiệm điện, nước bằng các hành động như : Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Phân biệt các loại rác vô cơ, hữu cơ khi được hướng dẫn như: Rác nào bỏ vào đâu?, Chiếc thùng rác ba màu, Bé nhặt rác ngoài sân trường, Rác biến thành đồ chơi, Câu chuyện của chiếc lá rụng, Chung tay bảo vệ môi trường xanh...
MT89	5.2. Bỏ rác đúng nơi quy định.	✓	
MT90	5.3. Không bẻ cành, bứt hoa.		
MT91	<i>Biết phân biệt các loại rác khi được nhắc nhở</i>		
MT92	5.4. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.		
V. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật			

MT93	1.1. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	☆	- Thể hiện sự thích thú vui sướng khi được nghe các âm thanh của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. - vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
MT94	1.2. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	✓	
MT95	1.3. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		- Tham gia nghe hát, hát, vỗ tay, nhún, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Cảm nhận sự thích thú, ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình - Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hưởng ứng (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện - Thường thức, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình - Thể hiện thái độ, tình cảm, và sử dụng các từ gợi cảm của bản thân về màu sắc, hình dáng, bố cục...của các sản phẩm tạo hình (xem triển lãm tranh, sản phẩm của bé) Chơi ngoài trời

			- HĐCMBĐ: Trò chuyện về cảm xúc của bé .(SEL) - TCVDĐ: Chiếc hộp cảm xúc - Chơi tự do
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình			
MT96	2.1. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	✓	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).
MT97	2.2. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	✓	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
MT98	2.3. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	✓	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)
MT99	2.4. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	✓	- Thực hiện các vận động nhịp nhàng, phù hợp với giai điệu của một số bài hát tiếng anh đơn giản
MT100	2.5. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	✓	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT101	2.6. Làm lốm, dỗ bẹt, bẻ lóc, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	✓	- Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.
MT102	2.7. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT103	2.8. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	✓	- Thực hiện xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.

			- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Thiệt các thao tác Làm lồi, lõm, dẹt, bẻ, uốn, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. - Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)				
MT104	3.1. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		- Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Thể hiện ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
MT105	3.2. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.			
MT106	3.3. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.			
MT107	3.4. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	✓		

			- Đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình
Các hoạt động không phục vụ mục tiêu			

**Phó hiệu trưởng
Ban giám hiệu**



Bùi Thị Liễu

Giáo viên

